

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 04/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Mạnh Long**
Bà **Lê Thị Hồng**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ĐN

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐN tham gia phiên tòa:**
Bà **Nguyễn Thị Hòa** - Kiểm sát viên thành phố ĐN

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 03 năm 2024, đối với:

- **Bị cáo: Phan Trần V;** Sinh ngày 23 tháng 12 năm 1987; tại ĐN; nơi thường trú: phường TT, quận TK, thành phố ĐN; Nơi tạm trú: kiết 139, đường TĐ, phường HA, quận CL, thành phố ĐN; Chỗ ở hiện nay: số 262, đường TĐ, phường HA, quận CL, thành phố ĐN; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đình D và bà Trần Thị Hồng T (*đều còn sống*); có vợ Nguyễn Thị Lâm O (*đã ly hôn*) và có 2 con (*con lớn 2016, con nhỏ 2019*) tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/05/2023. Có mặt.

- **Bị cáo: Nguyễn Hữu N;** Sinh ngày 16 tháng 11 năm 1995; tại ĐN; Nơi cư trú: K22/14/9 đường TĐ, phường HA, quận CL, thành phố ĐN; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị L (*đều còn sống*), có vợ Lê Thị N (*đã ly hôn*) và có 02 con (*lớn nhất sinh năm 2012 nhỏ nhất 2015*); Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/05/2023. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Trần V: Ông **Chế Giang S** - Luật sư Công ty luật TNHH MTV Nguyễn G thuộc Đoàn luật sư thành phố ĐN theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu N: Ông **Thái Quốc V** - Luật sư Công ty luật TNHH MTV Trung T thuộc Đoàn luật sư thành phố ĐN. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Huỳnh T**, sinh năm: 2001; Nơi cư trú: Tổ 21, phường Hòa A, quận Cẩm L, thành phố ĐN. Có mặt.

2. Ông **Nguyễn Gia T**; sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Tổ 151, phường Thanh Khê T, quận Thanh K, thành phố ĐN. Vắng mặt.

3. Ông **Trần Thanh H**; sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Tổ 52, phường Hòa M, quận Liên C, thành phố ĐN. Vắng mặt.

4. Ông **Lê Văn Đ**; sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Thôn Trung A, xã Hải K, huyện Hải L, tỉnh QT. Có mặt.

5. Bà **Lê Thị N**; sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Thị trấn Nam P, huyện Duy X, tỉnh QN. Vắng mặt.

6. Bà **Nguyễn Thị Thùy L**; sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Tổ 89, phường Hòa X, quận Cẩm L, thành phố ĐN. Vắng mặt.

7. Bà **Trần Thị Hồng T**; sinh năm: 1965; Nơi cư trú: Tổ 21, phường Hòa A, quận Cẩm L, thành phố ĐN. Có mặt.

Người làm chứng:

Ông **Nguyễn Văn Lộc Q**; Nơi cư trú: Tổ 36, phường Tân C, quận Thanh K, thành phố ĐN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ ngày 03 tháng 5 năm 2023, tại phòng giao nhận hàng nhà xe Thuận Thảo thuộc khu vực bến xe Trung tâm thành phố ĐN, phường Hòa A, quận Cẩm L, thành phố ĐN, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an, thành phố ĐN tiến hành kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Phan Trần V tàng trữ trái phép 01(một) hộp giấy bên trong có 100 (một trăm) viên ma túy loại thuốc lắc, trong túi quần phía trước bên phải của A có 01(một) gói ma túy loại Ketamine và 01(một) viên ma túy loại thuốc lắc để bán kiếm lời;

Tang vật tạm giữ gồm: 01(một) gói nilong có kích thước khoảng (7x11) cm bên trong có chứa 100 (một trăm) viên nén màu nâu đỏ. Niêm phong, (**ký hiệu A**); 01(một) gói nilong có kích thước khoảng (4x7,5) cm bên trong có chứa các tinh thể màu trắng và 01(một) viên nén màu cam. Niêm phong, (**ký hiệu B**);

01(một) hộp giấy catton có kích thước khoảng (15,5x25x34) cm; 01(một) gói nilong có kích thước khoảng (17,5x25,5) cm; 01(một) gói nilong màu đen có bọc băng keo dính bên ngoài; 01(một) xe mô tô màu đen BKS: 43D2-007.61; 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, gấn sim số: 0708268777 và 0788681079.

Vào lúc 18 giờ 50 cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an, thành phố ĐN tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Trần V tại địa chỉ kiệt 139, đường Tôn Đ, phường Hòa A, quận Cẩm L, thành phố ĐN phát hiện thu giữ thêm các vật chứng gồm: 02(hai) gói nilong màu trắng có kích thước khoảng (7,5x4) cm bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng. Niêm phong, (**ký hiệu C**); 01(một) túi da màu đen; 01(một) hộp hình chữ nhật; 01(một) cân điện tử; 02(hai) gói nilong màu trắng có kích thước khoảng (7,5x4) cm.

Vào lúc 19 giờ 50 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐN tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Trần V tại phòng trọ 105, số 262 đường Tôn Đ, phường Hòa A, quận Cẩm L, thành phố ĐN phát hiện, thu giữ gồm: 01(một) căn cước công dân số 048087001558 mang tên Phan Trần V; 01(một) điện thoại di động, màu đỏ đen, gấn sim số: 0906250032.

Căn cứ các chứng cứ thu thập được, lúc 23 giờ 45 cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐN tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Hữu N.

* Tang vật tạm giữ của Nguyễn Hữu N gồm: 01(một) xe mô tô màu đen xám, BKS 74F1-244.24; 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh, gấn sim số: 0796581667 và 0565903685.

Theo kết luận giám định số: 378/KL-KTHS ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Phòng KTHS Công an thành phố ĐN kết luận:

Mẫu B được chia thành: (Mẫu B1):Tinh thể rắn màu trắng trong 01(một) gói nilong;(Mẫu B2):01(một) viên nén màu cam.

Chất tinh thể rắn màu trắng giữ giám định (**ký hiệu B1,C**) là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu B1:**0,302** gam; C: **12,286**gam.

Viên nén màu nâu đỏ, viên nén màu cam giữ giám định (**ký hiệu A,B1**) là ma túy, loại MDMA, khối lượng (mẫu A): **35,898**gam; (mẫu B2): **0,504**gam.

Qua điều tra xác định:

*Để có ma túy sử dụng và có tiền tiêu xài, thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, Phan Trần V quen biết với một người tên S (*không rõ nhân thân, lai lịch*) giới thiệu một người phụ nữ (*không rõ nhân thân, lai lịch*) tại Thành phố Hồ Chí Minh để A liên lạc mua ma túy về bán lại kiếm lời, sau đó Phan Trần V rủ Nguyễn Hữu N tham gia với nhau về việc mua bán trái phép ma túy. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Cách ngày bị bắt khoảng 15 ngày (*khoảng tháng 4 năm 2023*) Phan Trần V liên lạc với người phụ nữ tại Thành phố Hồ Chí Minh đặt mua 50 viên ma túy loại thuốc lắc với giá 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*). Sau đó, người phụ nữ này gửi ma túy bằng đường xe khách ra thành phố ĐN cho A. A đưa xe mô tô BKS: 74F1-244.24 và nói B ra kho hàng của nhà xe Phi H tại bến xe Trung tâm thành phố ĐN nhận số ma túy trên. B điều khiển xe mô tô BKS: 74F1-244.24 đến kho hàng nhà xe Phi H nhận gói ma túy đem về giao cho A tại quán cà phê trên đường Tôn Đ, quận Cẩm L, thành phố ĐN. A trả công cho B 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*). Sau khi nhận được ma túy, Phan Trần V bán cho nhiều người (*không rõ nhân thân, lai lịch*) với giá 300.000 đồng/ 01 viên, thu lợi bất chính số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*), đã tiêu xài cá nhân hết, còn lại 01 (*một*) viên chưa bán Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐN thu giữ khi bắt quả tang.

Lần thứ hai: ngày 27/4/2023, với phương thức liên lạc như lần 1, A đặt mua của người phụ nữ tại thành phố Hồ Chí Minh 20 gam ma túy loại Ketamine với giá 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*). A nói B ra kho hàng của nhà xe Phi Hiệp nhận gói ma túy. A trả công cho B 700.000 đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*). Sau khi mua ma túy, A bán với giá từ 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) đến 2.500.000 đồng/ 01 gói, thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), đã tiêu xài cá nhân hết, số ma túy còn lại chưa bán Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐN thu giữ khi bắt quả tang và khám xét khẩn cấp.

Lần thứ ba: ngày 30/4/2023, Phan Trần V liên lạc với người phụ nữ nêu trên mua 100 (*một trăm*) viên ma túy tổng hợp để bán. Hai bên thỏa thuận với giá 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*), A ra tiệm cầm đồ chuyển khoản (*không nhớ địa chỉ, không nhớ số tài khoản*) số tiền 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) rồi cho số điện thoại 0796581667, người nhận Nguyễn Hữu N để giao ma túy. Người phụ nữ chuyển ma túy ra thành phố ĐN bằng đường xe khách.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 03/5/2023, Phan Trần V và Nguyễn Hữu N uống cà phê tại ngã ba đường Tôn Đ - Nguyễn Đình T, quận Cẩm L, thành phố ĐN, B nói về quê ở Quảng Nam, không nhận ma túy được nên A nói B khi nào có tin nhắn của nhà xe Thuận T thì báo để A đi nhận ma túy. Lúc 16 giờ 11 phút cùng ngày, nhà xe Thuận T gửi tin nhắn cho B đến bến xe nhận hàng. Sau đó, B điện thoại cho A ra nhận ma túy. Khoảng 17 giờ, Phan Trần V điều khiển xe mô tô BKS 43D1-007.61 ra kho hàng nhà xe Thuận Thảo tại bến xe Trung tâm thành phố ĐN nhận ma túy thì bị bắt quả tang như đã nêu trên.

Ngoài ra, Phan Trần V còn 02 lần đưa ma túy cho Nguyễn Hữu N đi giao cho người mua (*không rõ lai lịch*) tại Karaoke TOP TV đường 2/9, phường Hòa

Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố ĐN, A trả công cho B mỗi lần 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*).

Tiến hành thử test ma túy đối với Phan Trần V, Nguyễn Hữu N cho kết quả dương tính với chất ma túy.

Với nội dung trên: Bản cáo trạng số 38/CT-VKSĐN-P1 ngày 05-2-2024, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐN, truy tố Phan Trần V và Nguyễn Hữu N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Trần V và Nguyễn Hữu N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng truy tố, các bị cáo thừa nhận VKS nhân dân thành phố ĐN truy tố các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là đúng pháp luật. Các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một hình phạt để cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐN tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về nhân thân các bị cáo, qua đó đề nghị Hội đồng xét xử.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Trần V và Nguyễn Hữu N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Về hình phạt: Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phan Trần V từ 17 (*mười bảy*) năm đến 18 (*mười tám*) năm tù

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu N từ 16 (*mười sáu*) năm đến 17(*mười tám*) năm tù.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 5 Điều 251 BLHS phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: Về vật chứng xử lý như đã đề cập trong nội dung bản cáo trạng truy tố theo quy định của pháp luật. Về biện pháp tư pháp buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

Các Luật sư những người bào chữa cho các bị cáo Phan Trần V, Nguyễn Hữu N có chung quan điểm luận cứ bào chữa cho các bị cáo như sau: Thống nhất về tội, danh, điểm khoản và Điều luật mà cáo trạng số: 38/CT-VKS-P1 ngày 05/02/2024 của VKS nhân dân thành phố ĐN truy tố các bị cáo là đúng

pháp luật, nên không có tranh luận về mặt tội danh. Tuy nhiên, các luật sư đề nghị HĐXX khi quyết định hình cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm như quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó chưa bị phát hiện, ngoài ra luật sư S còn cho rằng bị cáo A sau khi bị bắt trong quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm đối với bị cáo B, về hoàn cảnh gia đình các bị cáo có khó khăn nhất định, có con còn nhỏ, bị cáo B tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, Trên cơ sở đó, các luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r,s khoản 1 Điều 51 BLHS cho cả hai bị cáo, và điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo A, để áp dụng cho các bị cáo một mức hình phạt tù có thời hạn phù hợp dưới mức thấp nhất so đại diện VKS đề nghị nhằm thể hiện tính nhân đạo pháp luật XHCN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] . *Về thủ tục tố tụng*: Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm (ông T, ông H, bà N và bà L) vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên xét việc vắng mặt của các đương sự này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, Do đó căn cứ Điều 292 BLTTHS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Qua xem xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, quan điểm luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa, luận cứ bào chữa của các luật sư người bào chữa cho các bị cáo V, N, lời khai của người có liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các vật chứng thu giữ được; Kết luận giám định về các chất ma túy, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Để có tiền chi tiêu và có ma túy sử dụng cho bản thân, vì vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2023 đến ngày bị bắt 03/5/2023 bị cáo Phan Trần V rủ Nguyễn Hữu N mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời và được N

đồng ý, trên cơ sở đó V đã 03 (ba) lần mua ma túy của một người phụ nữ tại thành phố Hồ Chí Minh (*không rõ lai lịch*) ngoài xã hội cụ thể: Lần thứ nhất V đặt mua 50 (*năm mươi*) mươi viên ma túy loại thuốc lắc với giá 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), lần thứ 2 V đặt mua 20 gam ma túy loại Ketamine với giá 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) và lần thứ 3 ngày 30/4/2023 mua 100 (một trăm) viên ma túy tổng hợp với giá 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) với phương thức giao nhận ma túy giữa bên mua và bên bán thỏa thuận thống nhất người phụ nữ giữ hàng ma túy bằng đường xe khách tuyến thành phố Hồ Chí Minh - ĐN qua nhà xe Phi H và Thuận T, khi hàng về đến ĐN nhân viên các nhà xe điện thoại cho người nhận hàng được ghi trên gói hàng đến bến xe Trung tâm thành phố ĐN nhận hàng, khi có điện thoại của các nhân viên nhà xe, V nói N đi nhận hàng, sau đó giao lại cho V cất giấu để bán cho các đối tượng nghiện khi có nhu cầu, N được V trả tiền công từ 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*) đến 700.000đ (*Bảy trăm ngàn đồng*) sau mỗi lần đi nhận và đi giao ma túy cho V. Trong đó các lần mua ma túy trước ngày bị bắt V đã bán cho nhiều đối tượng với giá 300.000đ/ 01 viên thuốc lắc và từ 2.000.000đ đến 2.500.000đ/ gói loại Ketamine thu lợi bất chính số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), Riêng đối với lần thứ 3 ngày 03/5/2023, khi V đến tại phòng giao nhận hàng nhà xe Thuận T thuộc khu vực bến xe Trung tâm thành phố ĐN thì bị lực lượng Phòng CSĐTTP về ma túy Công an thành phố ĐN tiến hành kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng gồm 100 (*một trăm*) viên ma túy loại thuốc lắc, tiếp tục khám xét nơi ở của bị cáo V thu được một gói ma túy loại Ketamine. Tại kết luận giám định số: 378/KL-KTHS ngày 10/5/2023 của Phòng KTHS Công an thành phố ĐN kết kết luận: Tổng khối lượng các chất ma túy mà các bị cáo tàng trữ, cất giấu để bán là: 48,99 gam ma túy các loại (*gồm 36,402 gam loại MDMA và 12,588 gam loại Ketamine*)

[3.2] Với việc lén lút thực hiện hành vi mua bán trái phép các chất ma túy nêu tại tiểu mục [3.1] của các bị cáo là đủ các yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 251 BLHS.

[3.3] Xét thấy, các chất ma túy các bị cáo V, N thực hiện việc mua bán bị thu giữ có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100gam (*48,99 gam ma túy loại MAMD, Ketamin*) là thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 BLHS. Do đó bản cáo trạng số: 38/CT-VKS-P1 của VKS nhân dân thành phố ĐN đã truy tố các bị cáo theo tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo V, N là thuộc trường hợp đặt biệt nghiêm trọng, bởi lẽ: Ma túy là loại độc dược gây nghiện do nhà nước độc quyền quản lý, vì vậy nhà nước ta nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển....các chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào đều bị pháp luật trừng trị và xử lý tùy theo tính chất, mức độ do hành vi trái pháp luật đó gây ra, các bị cáo A, B đều nhận thức được điều đó, song để có ma túy sử dụng và có tiền chi tiêu cho nhu cầu mục đích của bản thân, các bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật lén lút thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng (48,99 gam ma túy loại MAMD, Ketamin). Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước ta về các chất ma túy, đồng thời còn gây ra ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn thành phố, nên việc các cơ quan tiến hành tố tụng bắt khởi tố, điều tra, truy tố các bị cáo ra trước pháp luật để xử lý nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng chung cho xã hội là cần thiết.

[4.2] Xét đây là vụ án có đồng phạm, tuy nhiên, không mang tính tổ chức, trong đó vai trò của các bị cáo thể hiện:

[4.2.1] Đối với bị cáo Phan Trần V là người có vai trò chính trong vụ án, bởi lẽ bị cáo là người trực tiếp đặt mua ma túy của một người phụ nữ (*không rõ lai lịch*) từ thành phố Hồ Chí Minh đưa về ĐN cất giấu, khi có đối tượng cần mua ma túy sử dụng thì bị cáo đưa ma túy cho B mang đi giao cho người mua, thu lợi bất chính với số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), khối lượng các chất ma túy bị cáo mua bán tương đối lớn, thực hiện việc mua bán nhiều lần, nên đối với bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và khối lượng ma túy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy, khi quyết định hình phạt bị cáo có cao hơn bị cáo N là có căn cứ.

[4.2.2] Đối với bị cáo Nguyễn Hữu N là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực, là người vừa đi nhận ma túy, vừa đi bán ma túy theo yêu cầu của bị cáo V thu lợi bất chính số tiền 2.200.000đ (*Hai triệu, hai trăm ngàn đồng*), đồng thời cũng là người thực hiện hành vi mua bán nhiều lần, cùng chịu trách nhiệm hình sự với V đối với số ma túy thu giữ chưa bán được, nên đối với bị cáo cũng cần có mức hình phạt tương xứng, tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có thấp hơn so bị cáo V.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] *Về tình tiết tăng nặng*: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội từ 02 (hai) lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS để áp dụng khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[5.2] *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, và tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó chưa bị phát hiện, gia đình các bị cáo có những khó khăn nhất định, đều có con còn nhỏ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà các bị cáo được hưởng để áp dụng khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[6] *Về quyết định hình phạt*:

[6.1] Xét các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, với khung hình phạt tù từ 15 năm tù đến 20 năm tù, do đó, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết; Tuy nhiên, xét các bị cáo phạm tội lần đầu và đều có nhân thân tốt, khối lượng các chất ma túy các bị cáo thực hiện hành vi mua bán không lớn chỉ ở mức dưới 50 gam, đồng thời có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 BLHS, Vì vậy, HĐXX cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo là phù hợp.

[7] Xét luận cứ bào chữa của các Luật sư người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa về việc đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là có căn cứ như nhận định tại tiểu mục [5.2] nêu trên nên HĐXX ghi nhận, tuy nhiên việc các luật sư S đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo V là không có căn cứ nên không chấp nhận. Song về mức hình phạt tù các luật sư đề nghị dưới mức thấp nhất so với đề nghị của đại diện VKS là phù hợp nên HĐXX ghi nhận.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Mặc dù, tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị HĐXX căn cứ khoản 5 các Điều 251 BLHS áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với mỗi bị cáo số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước; Tuy nhiên, HĐXX xét thấy hoàn cảnh gia đình của các bị cáo có khó khăn, nên phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[9]. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[9.1] *Về vật chứng*:

[9.1.1] Đối với vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

[9.1.2] Đối với vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, có giá trị sử dụng thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9.1.3] Đối với loại giấy tờ tùy thân thì trả lại cho bị cáo sử dụng.

[9.2] *Về biện pháp tư pháp:*

[9.2.1] Đối với số tiền các bị cáo A, B thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có thì buộc các bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[10]. *Về các vấn đề khác có liên quan đến vụ án:*

[10.1] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo, Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX cũng không xem xét đến.

[10.2] Đối với người phụ nữ tại thành phố Hồ Chí Minh là người bán ma túy cho A, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch, đồng thời sẽ tiến hành điều tra, xử lý sau là phù hợp, nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét đến.

[10.3] Đối với bà Lê Thị Kim N là bạn quen biết với V, và bà Trần Thị Hồng T (*mẹ ruột A*) không biết việc bị cáo V bán ma túy và cất giấu ma túy trong nhà ở trọ để bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử cũng không đề cập đến.

[10.4] Đối với các nhân viên giao hàng của các nhà xe Phi H, Thuận T tại Bến xe trung tâm thành phố ĐN không biết gói hàng giao cho các bị cáo bên trong có ma túy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp, nên Hội đồng xét xử cũng không đề cập đến.

[10.5] Đối với các ông Trần Huỳnh T, Nguyễn Gia T là các chủ sở hữu của các phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy, nhưng cả hai đều không biết việc các bị cáo sử dụng phương tiện thuộc sở hữu của họ vào việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐN đã xử lý trả lại vật chứng thu giữ và không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử cũng không đề cập đến.

[11]. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

[11.1] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11.2] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Phan Trần V** và **Nguyễn Hữu N** phạm tội **“Mua bán trái phép chất ma túy”**

II. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính:

2.1.1. Căn cứ: Điểm h khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Trần V: 15 (mười lăm)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 03/5/2023.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu N: 15 (mười lăm)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 03/05/2023.

2.2. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 BLHS.

2.1. Xử phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền **10.000.000đ (Mười triệu đồng)** để sung vào ngân sách nhà nước.

III. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Về xử lý vật chứng.

Tuyên:

3.1. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 03(ba) bì giấy kèm theo kết luận giám định số 378/KL-KTHS ngày 10/5/2023 của Phòng KTHS Công an thành phố ĐN (Bên trong có chứa mẫu còn lại sau giám định (**ký hiệu A, B, C**); 01(một) hộp giấy cattong có kích thước (15,5x25x34) cm; 01(một) gói nilong có kích thước (17,5x25,5) cm; 01(một) gói nilong màu đen có bọc băng keo dính bên ngoài; 01(một) túi da màu đen; 01(một) hộp hình vuông; 01(một) cân điện tử; 02(hai) gói nilong kích thước khoảng (7,5x4) cm và các sim điện thoại số: 0708.268.777; 0788.681079; 0796.581667; 0565.903685; 0906.250032.

3.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các vật chứng gồm: 01(một) điện thoại di động Nokia, màu xanh, gắn sim có ký hiệu: 8401-1803-5034-2623 OT; 01(một) điện thoại di động, màu đỏ đen gắn sim có ký hiệu: 8401-2210-3323-1395 và 01(một) điện thoại di động Samsung, màu xanh, gắn sim có ký hiệu: 89840-20001-11779-11417 (*điện thoại bị bể góc trái bên phải phía trên và bị nứt góc phải bên dưới*) của các bị cáo (*là công cụ do sử dụng vào việc phạm tội*) (Không kiểm tra chất lượng bên trong của điện thoại tại thời điểm nhận)

3.3. Trả lại cho bị cáo Phan Trần V 01 (một) Căn cước công dân mang tên Phan Trần V.

(*Toàn bộ vật chứng trên, hiện nay Cục thi hành án dân sự thành phố ĐN đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/02/2024*)

3.2. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Phan Trần V nộp lại số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) và bị cáo Nguyễn Hữu N nộp lại số tiền 2.200.000đ (Hai triệu, hai trăm ngàn đồng) do thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

IV. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Phan Trần V và Nguyễn Hữu N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

V. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT – CATP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam công an TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Vĩnh Chuyển

